TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **24**/2017/HNGĐ-ST
Ngày 05 - 7 - 2017
"Tranh chấp xin ly hôn giữa anh T và chị L" .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Chọn**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Mộng Lành**
2. Bà **Dương Ngọc Bích**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp " Yêu cầu xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1985 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Kim L, sinh năm 1988 (Có mặt).
Địa chỉ: Ấp L, xã H, huyện A, tỉnh Kiên Giang.
Chổ ở: Ấp 6, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án anh Huỳnh Ngọc T trình bày như sau:

Anh T và chị L sống chung với nhau vào năm 2011, hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau đó đăng ký kết hôn tại UBND xã H vào ngày 13/4/2011 theo quy định của pháp luật. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, chị L hay ghen tuông và thường xuyên bỏ về nhà mẹ ruột đã 03

lần (lần 01 là ngày 28/10/2016 âm lịch , lần 02 là ngày 30/10/2016 âm lịch, lần 03 là ngày 23/2/2017 âm lịch khi đi thì đem theo 40 chỉ vàng 18kara) anh T đã cố gắng hàn gắn lại nhưng không được, nay anh T không còn tình cảm gì với chị L nữa, vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 02/2017 và không ai quan tâm đến ai nữa. Anh T xin Tòa án cho ly hôn với chị L.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 40 chỉ vàng 18kara anh T cho rằng đó là vàng có được lúc cưới và vợ chồng làm có thêm, nay anh T không yêu cầu chia số vàng trên và đồng ý giao cho chị L, để chị L có vốn làm ăn sau ly hôn.

Về con chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết. Ngoài ra anh Huỳnh Ngọc T không yêu cầu gì thêm.

Chị Nguyễn Kim L có ý kiến như sau:

Chị L thống nhất với lời trình bày của anh T về quan hệ hôn nhân. Tuy nhiên, về mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2015 do anh T có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị L mới ghen, vợ chồng cãi nhau anh T đánh chị L bầm mặt, chị có giận anh T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở, khi đi có xin phép cha mẹ chồng, mong muốn của chị L là vợ chồng hàn gắn lại không đồng ý ly hôn.

Về tài sản chung, con chung và nợ chung: Thống nhất đúng như anh Tđã trình bày. Chị L không yêu cầu gì thêm.

Tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án gồm: 01 bản sao hộ khẩu gia đình, 02 giấy chứng minh nhân dân, 01 trích lục kết hôn và giấy chứng nhận đăng ký kết hôn bản gốc.

Qua yêu cầu khởi kiện và ý kiến của các đương sự đã thống nhất và không thống nhất với nhau các vấn đề sau: Về quan hệ hôn nhân, chị Nguyễn Kim L không đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với anh Huỳnh Ngọc T; về con chung và nợ chung, anh T và chị L xác nhận không có nên không yêu cầu xem xét giải quyết; về tài sản chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có 40 chỉ vàng 18kara hiện chị L đang giữ, anh Tthống nhất để cho chị L làm vốn sau khi ly hôn, không yêu cầu chia. Ngoài ra, các đương sự không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh T giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như đã trình bày trên. Chị L cũng giữ ý kiến như đã trình bày trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh T xin ly hôn với chị L, các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1

Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi vụ án được thụ lý, Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên hôn nhân giữa anh T và chị L là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T xin được ly hôn với chị L, còn chị L thì không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa anh chị được pháp luật thừa nhận từ năm 2011, quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015, nguyên nhân chính là do anh chị không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cự cãi, đôi khi dẫn đến hành vi bạo lực gia đình, từ đó hôn nhân không hạnh phúc, không còn tin tưởng nhau, không ai quan tâm đến ai và sống ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Vấn đề mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân bản thân các anh chị đều xác định là có, tuy nhiên do anh chị không thể tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nên hôn nhân càng lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng phía anh T vẫn cương quyết xin ly hôn vì xác định tình cảm không còn, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của anh T là có căn cứ theo quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên cần xem xét chấp nhận toàn bộ.

[4] Về con chung và nợ chung: Anh T và chị L đều thống nhất xác định vợ chồng không có nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có 40 chỉ vàng 18kara hiện chị L đang giữ, anh Tthống nhất để cho chị L làm vốn sau khi ly hôn, không yên cầu chia và chị L cũng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Về án phí HNST, căn cứ vào Điều 144 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Do anh T là nguyên đơn nên chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004133 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Huỳnh Ngọc T và chị Nguyễn Kim L.

2. Về con chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh chị thống nhất xác định vợ chồng có 40 chỉ vàng 18kara hiện chị L đang giữ, anh Tthống nhất để cho chị L làm vốn sau khi ly hôn, không yêu cầu chia và chị L cũng không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Huỳnh Ngọc T có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số số 0004133 ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho anh T, chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký tên và đóng dấu)

Trần Thị Chọn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- VKSND huyện An Biên;
- Các đương sự;
- UBND xã Hưng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.